

CÔNG TY TNHH POSCO VIỆT NAM
KCN Phú Mỹ 2, TX. Phú Mỹ

Số: 69/2021/PV-CV
V/v Niêm yết giá dịch vụ tại cảng POSCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Mỹ, ngày 19 tháng 07 năm 2021

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG VĂN ĐẾN

Kính gửi: - Cục Hàng hải Việt Nam
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu

Số:.....
Tàu đến:..... h 2.2 -07- 2021
T.gian chuyển lại:.....h.....

Thực hiện Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về Quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa công-te-nơ bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam;

Công ty TNHH POSCO Việt Nam gửi đăng ký thông tin niêm yết giá và Bảng niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ (đính kèm).

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 19/07/2021.

Công ty TNHH POSCO Việt Nam xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:



- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH POSCO Việt Nam
- Địa chỉ giao dịch: Lô 1, KCN Phú Mỹ 2, P. Phú Mỹ, Tx. Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Số điện thoại liên lạc: 02543 924 233/ 0908165435
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: https://poscovietnam.com/vi/word/news_vi/list.do
- Địa chỉ email: vh.phuc@posco.net, kim.ngan@posco.net
- Họ tên người nộp văn bản: Lê Thị Kim Ngân – Nhân viên, SĐT: 02543 923 092/0906674400

Phú Mỹ, ngày 19 tháng 07 năm 2021

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo công văn số 69/2021/PV-CV ngày 19 tháng 07 năm 2021 của Công ty TNHH POSCO Việt Nam)

1. Bảng niêm yết giá dịch vụ tại cảng biển:

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng, loại hình	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
1	Phí mở dây đối với tàu nước ngoài; tàu nội địa chờ hàng xuất/nhập khẩu; tàu nội địa	Dưới 500 GT	USD/lần	10,00	50	40,0	400%	Điều chỉnh tăng
		501 - 1.000 GT		16,36	50	33,64	206%	
		1.001 - 4.000 GT		27,27	50	22,73	83%	
		4.001 - 10.000 GT		36,36	50	13,64	38%	
		10,001 – 20,000 GT		40,91	75	34,09	83%	
		20,001 – 30,000 GT		54,55	100	45,45	83%	
		30,001 – 50,000 GT		54,55	150	95,45	175%	
		Trên 50,001 GT		54,55	200	145,45	267%	
2	Phí mở dây đối với tàu nội địa	Dưới hoặc bằng 10.000 GT	VNĐ/lần	254.545,45	1.145.500	890.955	350%	
		Trên 10.000 GT	VNĐ/lần	363.636,36	1.718.250	1.354.614	373%	
3	Phí cấp nước ngọt cho tàu	Tàu nước ngoài	USD/m ³	3,64	-	-		Điều chỉnh tăng
		Tàu nội địa	VND/m ³	36.364	54.545	18.181	50%	
		Tàu nội địa chờ hàng xuất nhập khẩu	VND/m ³	54.545	63.636	9.091	17%	
4	Cước dỡ hàng (nguyên liệu nội địa)	Đối với hàng thép cuộn nội địa gia công	VND/tấn	-	45.000			Kê khai mới

* Các đơn giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế GTGT.

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá: Do phí mở dây và phí cấp nước ngọt cho tàu đã được áp dụng ngay từ khi cảng POSCO bắt đầu hoạt động vào năm 2009 cho đến nay, việc điều chỉnh thay đổi giá này để phù hợp với giá thị trường trong khu vực.

3. Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 19/07/2021.

Công ty TNHH POSCO Việt Nam cam kết về việc các sản phẩm, dịch vụ đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 và Điều 12 – Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty TNHH POSCO Việt Nam xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:



771
NG
HIỆM
OSCO
TN
BA R